

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

về việc: “*Ly hôn,
quyền trực tiếp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Minh

2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- **Thư ký phiên tòa:** bà Mai Thị Chiêm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:** ông Lư Ngọc Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 313 /TLST-HNGĐ, ngày 26/10/2020, về việc: “*Ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1965

Địa chỉ: thôn HT, thị trấn CL, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

- Bị đơn: bà **Võ Thị Mỹ Ng**, sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn HT, thị trấn CL, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Bùi Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: ông và bà Võ Thị Mỹ Ng xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐS, TP. PR – TC, tỉnh Ninh Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 30/3/2011.

Trong thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng nhau làm ăn nuôi con, kể từ đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bà Ng không tôn trọng ông, bà Ng đã tự ý nhiều lần bỏ nhà trở về nhà cha mẹ bà ở phường ĐS, TP. PR – TC, tỉnh Ninh Thuận ở rồi trở về lại, do không thể sống chung được nữa nên từ đầu năm 2019 ông đã ra đi ra ngoài thuê nhà ở, để cho bà Ng ở trong nhà riêng của ông. Tháng 4/2019 ông đã làm đơn xin ly hôn với bà Ng, mặc dù tình cảm vợ chồng không còn nữa, nhưng bà Ng

muốn gây khó khăn cho ông, nên bà không chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của ông, Tòa án nhân dân cấp huyện và tỉnh đã xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông, từ đó đến nay ông đã tự sống ly thân và chấm dứt cuộc sống vợ chồng với bà Ng.

Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài được nữa, tại Tòa hôm nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Ng.

Về con chung: có 01 con chung, tên Bùi Trọng H, sinh 05/11/2011 nếu được Tòa án chấp nhận cho ly hôn, bà Ng yêu cầu nuôi con thì ông chấp nhận giao con cho bà Ng nuôi dưỡng, nếu bà Ng không nhận nuôi thì ông yêu cầu được nhận nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi thành niên, ông không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung; không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị Mỹ Ng trình bày:

Bà và ông Bùi Văn H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐS, TP. PR – TC, tỉnh Ninh Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 30/3/2011.

Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc cùng nhau làm ăn nuôi con, từ đầu năm 2019 thì ông H sinh tâm ngoại tình có người phụ nữ khác, ông H thường đánh đập bà, đuổi bà ra khỏi nhà. Tháng 4/2019 ông H đã làm đơn xin ly hôn với bà, vì lúc này con còn nhỏ nên bà không chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của ông H, Tòa án nhân dân cấp huyện và tỉnh Bình Thuận đã xử bác yêu cầu xin ly hôn của ông H, từ đó đến nay ông H đã bỏ nhà ra đi đã chấm dứt cuộc sống chung vợ chồng với bà. Hiện nay ông H sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác không quan tâm gì đến vợ con, nhưng bà vẫn còn thương ông H, bà vẫn hy vọng rằng ông H sẽ quay về đoàn tụ với bà để làm ăn nuôi con, nên bà không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

Về con chung: có 01 con chung, tên Bùi Trọng H, sinh 05/11/2011, nếu Tòa án xử buộc cho ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi thành niên, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng có căn nhà cấp 4 tại thôn HT, thị trấn CL hiện bà đang quản lý sử dụng ở nuôi con và 05 sào ruộng tại Ma Ní, huyện BB. ông H đã cho người khác thuê. Bà không tranh chấp tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung; không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, tuyên xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Văn H; về hôn nhân: ông Bùi Văn H được ly hôn với bà Võ Thị Mỹ Ng; về con chung: giao con chung tên Bùi Trọng H, sinh 05/11/2011 cho bà Ng nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết; về án phí: ông H phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Ng, xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến, nơi cư trú của bị đơn, thì đây là vụ kiện “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BB.

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông H và bà Ng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐS, TP. PR – TC, tỉnh Ninh Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 30/3/2011, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng nhau làm ăn nuôi con, khoảng từ đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo ông H trình bày là do bà Ng không tôn trọng ông, bà Ng đã tự ý nhiều lần bỏ nhà trở về nhà cha mẹ bà ở phường ĐS, TP. PR – TC, tỉnh Ninh Thuận ở rồi trở về lại, do không thể sống chung được nữa, nên từ đầu năm 2019 ông đã ra đi ra ngoài thuê nhà ở, để cho bà Ng ở trong nhà riêng của ông cho đến nay.

Tháng 4/2019 ông đã làm đơn xin ly hôn với bà Ng, mặc dù tình cảm vợ chồng không còn nữa, nhưng vì bà Ng không muốn giao trả nhà lại cho ông, nên bà Ng muốn gây khó khăn cho ông, bà không chấp nhận ly hôn, Tòa án nhân dân cấp huyện và tỉnh Bình Thuận đã xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông, từ đó đến nay ông đã tự sống ly thân và chấm dứt cuộc sống vợ chồng với bà Ng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Ng cũng đã khai nhận, từ đầu năm 2019 ông H sinh tâm ngoại tình với người phụ nữ khác, ông H thường đánh đập bà, ngược đãi vợ con, đuổi bà ra khỏi nhà, bà không đi, nên ông H đã làm đơn xin ly hôn với bà, vì lúc này con còn nhỏ nên bà không chấp nhận ly hôn, Tòa án nhân dân cấp huyện và tỉnh Bình Thuận đã xử bác yêu cầu xin ly hôn của ông H, từ đó đến nay ông H không trở về đoàn tụ mà đã bỏ nhà ra đi đã chấm dứt cuộc sống chung vợ chồng với bà. Hiện nay ông H sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác không có trách gì đến vợ con, nhưng bà vẫn còn thương ông H, bà vẫn hy vọng rằng ông H sẽ quay về đoàn tụ với bà để làm ăn nuôi con, nên bà không chấp nhận ly hôn với ông H.

Như vậy, có căn cứ khẳng định kể từ đầu năm 2019, hôn nhân của họ đã thật sự đổ vỡ, có sự bạo lực gia đình vi phạm đến quyền và nghĩa vụ đối với nhau, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mặc dù Tòa án nhân dân cấp huyện và tỉnh Bình Thuận đã xử bác yêu cầu ly hôn của ông H, nhưng ông H cũng không trở lại đoàn tụ với bà Ng, mà ông đã tự sống ly thân, chấm dứt cuộc sống vợ chồng với bà Ng cho đến nay và hiện nay ông H sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác không quan tâm gì đến bà Ng. Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông H là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: có 01 con chung, tên Bùi Trọng H, sinh 05/11/2011, theo ý kiến của ông H, nếu được Tòa án chấp nhận cho ly hôn, bà Ng yêu cầu nuôi con thì ông chấp nhận giao con cho bà Ng nuôi dưỡng, nếu bà Ng không nhận nuôi thì ông yêu cầu được nhận nuôi con đến khi thành niên, ông không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của bà Ng, nếu Tòa án xử buộc cho ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi thành niên, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Theo nguyện vọng của con Bùi Trọng H là xin được tiếp tục ở với mẹ.

Để đảm bảo tính ổn định trong cuộc sống và sinh hoạt của con, nên cần được duy trì quyền trực tiếp nuôi con đối với bà Ng.

- Về tài sản chung: không tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Về án phí: ông H phải chịu án phí theo luật định.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở đúng pháp luật, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Bùi Văn H ly hôn với bà Võ Thị Mỹ Ng.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Bùi Trọng H, sinh 05/11/2011 cho bà Ng tiếp tục được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên; bà Ng không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đối với ông H.

3. *Về tài sản chung:* không yêu cầu giải quyết

4. *Về nợ chung:* không có.

5. *Về án phí:* ông H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí của ông H nộp tại biên lai thu tiền số 0006547 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BB, nên án phí đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/4/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Thạch